





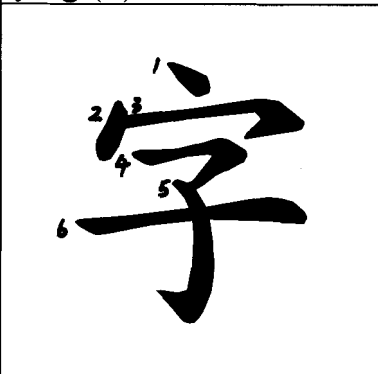


Stroke Order of Characters in Lesson 3

The number before each stroke indicates where the stroke starts as well as the stroke order.

		
měi	guó (T)	guó (S)
		
rén	yīng (T)	yīng (S)
		
jiào	míng	zì

		
<p>ba</p>	<p>guò (T)</p>	<p>guò (S)</p>
		
<p>qì (T)</p>	<p>qì (S)</p>	<p>xiǎng</p>
		
<p>qù</p>	<p>dì</p>	<p>fāng</p>
		
<p>liǎng (T)</p>	<p>liǎng (S)</p>	<p>wài</p>

		
<p>běi</p>	<p>nán</p>	<p>jīng</p>
		
<p>xī</p>	<p>ān</p>	<p>hǎi</p>
		
<p>dào</p>	<p>jìn</p>	<p>shěng</p>
		
<p>chuān</p>	<p>zhōu</p>	<p>bù</p>

		
cóng (T)	lí (T)	yuǎn (T)
		
cóng (S)	lí (S)	yuǎn (S)
		
biān (T)	cuò (T)	bié
		
biān (S)	cuò (S)	wàng

fēi	cháng	jiā
běn	de/dé/děi	bǎi
diàn (T)	huà (T)	shuō (T)
diàn (S)	huà (S)	shuō (S)

		
m3 (T)	lǐ (T)	kuài (T)
		
m3 (S)	lǐ (S)	kuài (S)
		
qián (T)	chá (T)	kě
		
qián (S)	chá (S)	hē

<p>zài</p>	<p>jiàn (T)</p>	<p>jiàn (S)</p>
<p>guā</p>	<p>jīn</p>	<p>bēi</p>
<p>jiǔ</p>	<p>duō</p>	<p>shǎo</p>
<p>jǐ (T)</p>	<p>jǐ (S)</p>	

MIT OpenCourseWare
<http://ocw.mit.edu>

Resource: Learning Chinese: A Foundation Course in Mandarin
Dr. Julian K. Wheatley

The following may not correspond to a particular course on MIT OpenCourseWare, but has been provided by the author as an individual learning resource.

For information about citing these materials or our Terms of Use, visit: <http://ocw.mit.edu/terms>.